

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐẮK TÔ  
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **13/2023/HSST**  
Ngày: 22-8-2023

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK TÔ, TỈNH KON TUM**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Minh Huy

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông A Hải

2. Ông A Ku

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Hân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum tham gia phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 22/8/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 11/2023/HSST ngày 05/7/2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2023/HSST-QĐ ngày 31/7/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2023/HSST-QĐ ngày 14/8/2023, đối với bị cáo:

Họ và tên: **A C**, tên gọi khác: Không, giới tính: Nam; sinh năm 1950 tại Kon Tum; nơi đăng ký HKTT: Thôn B, xã T, huyện Đ, tỉnh Kon Tum; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Rơ Ngao; tôn giáo: Công giáo; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 0/12; con ông A C1 và bà Y C2 (đều đã chết); có vợ là Y D (đã chết); có 07 người con (lớn nhất sinh năm 1992, nhỏ nhất 2010). Gia đình có 03 anh em ruột. Bị cáo là con thứ ba trong gia đình; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; bị cáo hiện đang được tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

**- Người bào chữa cho bị cáo:** Bà Nguyễn Thị Thúy H – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh K. (Có mặt).

**- Bị hại:** Y T, sinh năm 1983 (đã chết).

**- Người đại diện hợp pháp cho bị hại:**

1. Bà Y V, sinh năm 1952, địa chỉ: K, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum (là mẹ ruột của bị hại). (Có mặt).

2. Cháu A Mỹ T1, sinh ngày 29/9/2005

Địa chỉ: K, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum (là con ruột của bị hại). (Có mặt).

*Người giám hộ cho cháu A Mỹ T1:* Bà Y V sinh năm 1952, địa chỉ: K, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum (là Bà ngoại của cháu A Mỹ T1). (Có mặt).

- *Đại diện theo ủy quyền của bà Y V và cháu A Mỹ T1:* ông A P, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Thôn K, xã Đ, huyện T, tỉnh Kon Tum. (Có mặt).

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đồng thời là người làm chứng:* Chị Y H1, sinh năm 1977 và anh A S, sinh năm 1977.

Cùng địa chỉ: Thôn A, xã T, huyện Đ, tỉnh Kon Tum. (Vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ ngày 10/02/2023, sau khi A C uống rượu với Y T tại nhà của vợ chồng A S và Y H1, Y T rủ mọi người về nhà mình chơi. A C đã tự ý lấy xe mô tô BKS: 54K4-8443 của nhà A S điều khiển chở theo A S (ngồi giữa) và Y T (ngồi sau cùng). Còn Y Hồng điều khiển một xe mô tô khác đi theo sau. Khi đi đến đoạn Km 1502+700 đường H đoạn qua thôn B, xã T, huyện Đ, vì không chú ý quan sát nên A C điều khiển xe mô tô va chạm vào cột biển báo nguy hiểm ký hiệu W.207c đặt tại lề đường bên phải theo chiều đi của mình gây tai nạn giao thông. Sau khi va chạm, A C và A S ngã trầy xước chân tay, Y T bị ngã đập đầu xuống mặt đường, xe mô tô bị hư hỏng.

Sau khi tai nạn xảy ra, Y H1 cùng A C và A S đưa Y T về nhà, thấy tình trạng của Y T ổn định, tỉnh táo, nói chuyện bình thường nên nghĩ không sao và mọi người đi về nhà của mình. Đến khoảng 13 giờ ngày 11/02/2023, A M Trường con trai của Y T phát hiện Y T đã tử vong.

Bản Kết luận giám định pháp y về tử thi số 13/TT-TTPY ngày 14/02/2023 của Trung tâm pháp y tỉnh K kết luận nguyên nhân chết của Y T là do chấn thương sọ não.

Đối với A C, đến ngày 11/02/2023 lực lượng chức năng sau khi nhận được thông tin về vụ tai nạn giao thông đã tiến hành đo nồng độ cồn, kết quả 0,000mg/L khí thở.

Hiện trường vụ tai nạn giao thông là đoạn đường thẳng được trải nhựa phẳng có độ rộng của đường 6,35m, tại hiện trường có biển cảnh báo nguy hiểm W.207c (giao nhau với đường không ưu tiên) đặt tại lề đường bên phải cách mép đường chuẩn 1,6m. Sau tai nạn, xe mô tô BKS 54K4-8443 nằm ngã, nghiêng về bên trái, tâm trục bánh trước và tâm trục bánh sau cách mép đường chuẩn lần lượt

là 1,8m và 01m. Điểm va chạm là góc đế chân phía trước bên phải của xe mô tô va chạm vào cột biển cảnh báo nguy hiểm W.207c đặt tại lề đất bên phải.

Bản Cáo trạng số 11/CT-VKS-ĐT ngày 04/7/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Tô truy tố bị cáo A C về tội: “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*”, theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về trách nhiệm hình sự: Đề nghị tuyên bố bị cáo A C phạm tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*”.

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 260; điểm o, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo A C 03 đến 04 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị công nhận sự thỏa thuận của bị cáo và đại diện hợp pháp của bị hại.

Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo: Thống nhất với việc truy tố, luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Tuy nhiên, về mức hình phạt đại diện Viện kiểm sát đề nghị có phần nghiêm khắc, vì hành vi của bị cáo là lỗi vô ý, bị cáo là người trên 70 tuổi, dân tộc thiểu số, không được đi học nên không hiểu biết pháp luật, thuộc hộ cận nghèo, hoàn cảnh gia đình khó khăn, bản thân hay đau ốm, người đại diện hợp pháp của bị hại đã xin giảm nhẹ hình phạt, bị cáo không có tiền án tiền sự, nhân thân tốt, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng điểm a khoản 2 Điều 260, điểm s, o khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo. Về trách nhiệm dân sự đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và đại diện hợp pháp của bị hại và miễn án phí cho bị cáo.

Đại diện theo ủy quyền và người đại diện hợp pháp cho bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, không cần thiết bắt bị cáo phải chấp hành hình phạt tù.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, người bào chữa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người đại diện hợp pháp cho bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

Tại phiên tòa, anh A S và chị Y H1 có đơn xin vắng mặt, xét không ảnh hưởng đến việc xét xử, vì vậy Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục xét xử vụ án.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, Hội đồng xét xử đã có cơ sở để khẳng định:

Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 10/02/2023 tại Km 1502+700 đường H đoạn qua thôn B, xã T, huyện Đ xảy ra vụ tai nạn giao thông. Nguyên nhân do bị cáo A C điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 54K4-8443 chở theo A S và Y T, khi đi không chú ý quan sát nên để xe mô tô va chạm vào cột biển báo nguy hiểm, ký hiệu W.207c đặt tại lề đường bên phải theo chiều đi của xe, gây tai nạn làm cho Y T ngã đập đầu xuống đường và chết do chấn thương sọ não. Thời điểm gây tai nạn, bị cáo không có giấy phép lái xe theo quy định.

Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Bản Cáo trạng số 11/CT-VKS-ĐT ngày 04/7/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Tô truy tố bị cáo A C theo điểm, khoản và điều luật đã viện dẫn trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo:

- Tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng

- Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo A C là người trên 70 tuổi; thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải nên bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm o, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, người đại diện hợp pháp cho bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, sau khi gây tai nạn, bị cáo đã quan tâm, cùng A S, Y H1 đưa Y T về nhà nghỉ ngơi, những tình tiết trên Hội đồng xét xử sẽ xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[4] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo:



Hành vi của bị cáo nguy hiểm cho xã hội, gây ra hậu quả chết người. Khi điều khiển phương tiện tham gia giao thông, bị cáo không có giấy phép lái xe nên cần áp dụng cho bị cáo một mức hình phạt tương xứng với hành vi bị cáo gây ra. Tuy nhiên, bị cáo hiện tại đã hơn 70 tuổi, là người dân tộc thiểu số, không hiểu biết pháp luật, không có tiền tích lũy, có nơi cư trú rõ ràng, nhân thân tốt, bản thân có khả năng tự cải tạo, việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, nên Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách, giao bị cáo cho UBND nơi cư trú giám sát, giáo dục cũng đủ răn đe đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Người đại diện hợp pháp cho bị hại và đại diện theo ủy quyền của người đại diện hợp pháp yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 20.000.000 đồng, bị cáo đồng ý. Xét thấy sự thỏa thuận là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6] Về vật chứng vụ án:

01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 54K4-8443 do A C điều khiển gây tai nạn, xét không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là chị Y H1 nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về các vấn đề khác:

Khi chở Y T và A S đi, bị cáo đã uống rượu, sau khi tai nạn xảy ra, bị cáo và mọi người đưa Y T về nhà thấy Y T bình thường, tỉnh táo nên không trình báo cơ quan chức năng. Do đó, không đo được nồng độ cồn của bị cáo sau khi gây ra tai nạn nên không có căn cứ truy tố thêm tình tiết định khung quy định tại điểm b khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo là có cơ sở.

Anh A S và chị Y H1 xin vắng mặt tại phiên tòa và không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí:

Bị cáo là người dân tộc thiểu số, thuộc hộ cận nghèo, nên miễn án phí cho bị cáo.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**1.** Tuyên bố bị cáo **A C** phạm tội: “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*”.

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 260; Điểm o, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo A C **03** (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Kon Tum giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

## **2. Về trách nhiệm dân sự:**

Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, 585, 586, 591 Bộ luật Dân sự, bị cáo A C phải bồi thường cho những người đại diện hợp pháp của bị hại số tiền 20.000.000 (*hai mươi triệu*) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (*đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án*) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của đại diện hợp pháp của bị hại (*đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án*) cho đến khi thi hành án xong, bị cáo còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

## **3. Về án phí:**

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Miễn án phí cho bị cáo.

## **4. Về quyền kháng cáo:**

Căn cứ Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo; người đại diện hợp pháp của bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (22/8/2023); người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc khi bản án được tổng đạt hợp lệ.

*Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND tỉnh Kon Tum;
- Sở Tư pháp tỉnh Kon Tum;
- VKSND huyện Đắk Tô;
- CA huyện Đắk Tô;
- Chi cục THADS huyện Đắk Tô;
- UBND xã Tân Cảnh;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
Đã ký

**Trần Minh Huy**